

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông : Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Vũ Đình Mạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-DS ngày 31/5/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-DS ngày 16/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Thôn Phục Lễ, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị L có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Phục Lễ, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nhữ Thị C, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bà L1, bà C đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn V, xã T, huyện B. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, lười lao động, dẫn đến việc vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Chị khuyên can nhưng anh T không nghe, lại còn thường xuyên chửi bới chị. Gia đình nhà chồng cũng khuyên bảo, song anh T không thay đổi. Cách đây hơn 01 năm, chị đã bỏ về sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở xã V, huyện B và ở đó cho đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc gì với nhau nữa, anh T cũng không quan tâm đến chị, không đến gặp chị để giải quyết mâu thuẫn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung : Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/02/2015, cháu P đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án làm việc hợp lệ, song anh T không có bản tự khai gửi đến Tòa án, không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm, không có mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa.

Về chứng cứ trong vụ án:

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị L.

- Tài liệu chứng cứ chị L nộp: Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh của con chung.

- Lời khai của người làm chứng là bà Nhữ Thị C, là bà nội của anh T khai: Trong quá trình chung sống chị L, anh T nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L tính luộm thuộm, không sạch sẽ, làm cho quan hệ giữa chị L với bố mẹ chồng, với anh T không hòa hợp. Từ đó, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Để giảm căng thẳng, vợ chồng đã phải thuê nhà ra ở riêng một thời gian, sau lại về sống cùng bố mẹ chồng, nhưng chị L vẫn như vậy, nên vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Cách đây hơn một năm, chị L đã bế con bỏ về quê ở xã V, huyện B sống và không quay lại chung sống với anh T nữa. Bố mẹ anh T đã vài lần trực tiếp sang gặp gia đình chị L để tìm cách hòa giải và chính bà cũng trực tiếp gặp gia đình chị L để vận động chị L quay về với anh T, song chị L vẫn không quay về,

cũng không quan tâm gì đến anh T và gia đình nhà chồng, ngay cả khi bố anh T ốm nặng. Vợ chồng chị L, anh T có một con là Nguyễn Huy P.

- LỜI KHAI CỦA BÀ VŨ THỊ L1 (MẸ ĐỂ CHỊ L): Sau khi kết hôn vợ chồng chị L sống chung với bố mẹ đẻ của anh T. Anh T tính tình lười nhác, hay mua chịu hàng hóa, rồi về bắt chị L phải thanh toán, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra theo chị L kể thì bố mẹ chồng thường yêu cầu chị đưa tiền, yêu cầu chị xin tiền của bố mẹ đẻ để mang về nhà chồng xây nhà. Chị L không chịu được cách sống như vậy, nên phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng. Vợ chồng chị đã thuê nhà sống, song cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Trong thời gian anh chị thuê nhà ở Phúc Lễ, V sống, bà L1 đã chứng kiến anh T hay uống rượu bia, không chịu làm ăn, thường xuyên chửi bới chị L mỗi khi yêu cầu chị L mua đồ ăn mà không được đáp ứng. Thuê nhà sống được một thời gian, vợ chồng chị L lại trở về sống cùng bố mẹ chồng, nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Bà được biết, có lần vợ chồng cãi nhau, anh T đã bế con tự tử, nhưng có người can ngăn được. Chị L sợ anh T bắt con nên mang con đi trú tại Hà Nội, đến tháng 2/2017 mới trở về Phúc Lễ, V sống cùng gia đình bà cho đến nay. Từ tháng 2/2017 đến nay, anh T cũng không đến tìm gặp chị L để đoàn tụ.

Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là Nguyễn Huy P, đang cùng với chị L sống tại gia đình bà L1 và hiện tại cháu có sức khỏe tốt.

Hiện chị L vẫn đi làm tự do, thu nhập bình quân khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Bà có quan điểm là nếu Tòa án giải quyết cho chị L nuôi con, thì gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt để chị L nuôi dưỡng con chung vì gia đình bà có đủ chỗ ở cho chị L.

Kết quả xác minh tại địa phương xã T, huyện B thể hiện: Chị Vũ Thị L và anh T có mâu thuẫn (không rõ nguyên nhân) và hiện tại anh chị đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Về quyết vụ án:

Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Việc chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn anh T là có căn cứ. Vì vậy: áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, xử cho chị L ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huy P đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về lối sống và do anh T lười lao động, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, thậm chí xô xát. Mặc dù được gia đình hai bên tham gia tháo gỡ, giải quyết mâu thuẫn song không thành, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay được hơn 01 năm, không quan tâm gì đến nhau nữa và chị L xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, nên yêu cầu ly hôn anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng vợ chồng chị L đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị L ly hôn anh T.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/02/2015, đến nay cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị L có nguyện vọng được nuôi con và có đủ điều kiện về nơi ở, thu nhập, sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ của chị L, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị L là nguyên đơn, nên phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/02/2015 (cháu P hiện đang sống cùng chị L) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

- Về án phí: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002247 ngày 03/4/2017). Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN CƯỜNG